

MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HÓA VIỆT TRONG TRUYỆN CƯỜI HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Hoàng Ngọc Diệp

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 17/02/2020, ngày nhận đăng 7/4/2020

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm nổi bật một số đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá Việt thể hiện trong truyện cười hiện đại Việt Nam. Đó là: 1) tâm thức cười của người Việt trong hoạt động giao tiếp; 2) thói quen tư duy, lối nói vòng vo, ẩn ý để thể hiện tiếng cười châm biếm, buộc người khác phải suy ý, suy nghĩ; 3) cách nói nhẹ nhàng nhưng nội dung châm biếm sâu sắc, mang tính nhân văn.

Từ khóa: Đặc trưng; văn hóa; truyện cười; Việt Nam; hiện đại.

1. Đặt vấn đề

1.1. Trước hết, chúng tôi hiểu văn hóa là hệ giá trị mà con người, hay cộng đồng người ý thức được từ những hoạt động và những sản phẩm vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong tất cả các quan hệ con người tương tác với tự nhiên, xã hội và với chính mình. Theo đó, nhìn trên bề mặt, văn học không chỉ là một thành tố của văn hóa, thuộc văn hóa tinh thần, mà còn nhìn từ chiều sâu, thì thuộc tính của văn học là một biểu hiện của văn hóa, mang chứa chức phận văn hóa. Cũng như âm nhạc, hội họa, sân khấu, điện ảnh... văn học là một nghệ thuật, nhưng văn học là một loại hình hoạt động nghệ thuật ngôn từ nên có tính đặc thù mà không có loại hình hoạt động nào của con người thay thế được nó; bởi ngôn ngữ cũng chính là thành tố quan trọng nhất của văn hóa, đồng thời là phương tiện thể hiện văn hóa nên văn học mang chứa giá trị xác lập và phản ánh đời sống văn hoá tinh thần con người.

1.2. Sáng tạo văn học là một loại giải pháp văn hóa tinh thần của con người trước những tình huống cuộc sống khác nhau. Tình huống sáng tạo là một thực tế khách quan, như một quyền lực thực tiễn buộc nhà văn phải chấp nhận, lựa chọn. Muốn chứng tỏ tác phẩm là một sinh thể văn hóa, còn phải tiếp cận nó từ nhiều góc độ khác nhau. Thứ nữa, tác phẩm văn học là một sinh thể văn hóa, kết quả của hoạt động sáng tạo của nhà văn bằng ngôn từ. Do đó, muốn lý giải được cái sinh thể văn hóa ấy phải tiếp cận ngôn từ của tác phẩm, phải bắt đầu từ hoạt động sáng tạo ngôn từ của nhà văn thể hiện trong tác phẩm. Sự sáng tạo của văn học là đa dạng và dường như không có giới hạn. Mỗi thể loại văn học có một cách tiếp cận, phản ánh cuộc sống bằng một cách khác nhau, với chất liệu ngôn từ, phương thức phản ánh thể hiện khác nhau. Đặc trưng bản chất của tác phẩm văn học là tái sản xuất giá trị văn hóa của cái đẹp. Giá trị này được thể hiện trong toàn bộ thể giới nghệ thuật của tác phẩm. Do đó, cần phải mở rộng những biên độ năng động để tái sinh ý nghĩa cho tác phẩm; trong đó, hướng tiếp cận cấu trúc, ngôn ngữ tác phẩm là cốt yếu. Gút lại, những điều trình bày trên đây là cơ sở lý luận để chúng tôi lý giải và làm sáng tỏ đặc trưng văn hóa Việt được thể hiện trong truyện cười hiện đại.

1.3. Truyện cười là một dạng thể của trào phúng. Có hai loại truyện cười, truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại. Tuy có một số điểm khác nhau nhưng cái chung của hai loại này đó là tiếng cười mỉa mai, châm biếm được sử dụng để chế nhạo, chỉ

trích, phê phán, tố cáo, phản kháng những cái tiêu cực xấu xa, lỗi thời trong xã hội. Vì thế, tiếng cười trong truyện cười gắn với thể loại trào phúng, gắn liền với phạm trù mỹ học cái hài. Truyện cười chứa đựng cái hài, dùng cái hài làm phương tiện chủ yếu để thực hiện chức năng phê phán, châm biếm, đả kích cái xấu và phần nào đó là giải trí. Như vậy, tiếng cười trong truyện cười mang giá trị thẩm mỹ, giá trị xã hội, giá trị văn hóa.

2. Đặc trưng văn hóa Việt trong truyện cười hiện đại

2.1. Tính “trạng” hóm hình

Trước hết, tính “trạng” là muốn nói đến tính vui vẻ, là tiếng cười hóm hình của người Việt Nam, *tiếng cười Việt Nam*, thể hiện một nét ưu trội của tâm thức, cách sống Việt được khúc xạ đậm nét trong truyện cười hiện đại.

Có thể nói, cùng với tiếng nói, tiếng cười là một đặc ân mà tạo hóa đã ban tặng cho con người và chỉ dành riêng cho con người. Tuy nhiên, tùy theo hoàn cảnh, cách ứng xử, tính cách từng dân tộc mà tiếng cười có những nét khác biệt. Nét khác biệt bao trùm của tiếng cười Việt Nam là bên cạnh ngôn ngữ, người Việt thường trực ứng xử bằng nụ cười, tiếng cười trở thành một phương tiện giao tiếp ở mọi nơi mọi lúc, mọi hoàn cảnh, biến cố trong đời sống nhân sinh. Nụ cười người Việt luôn thường trực trên môi; bởi thế nào cũng cười, được khen cũng cười nhưng bị chê cũng cười; hay dở, phải quấy cũng toe toét cười hoặc gượng cười làm cho mọi việc bớt đi tính nghiêm trang. Không gian tiếng cười Việt rộng khắp, đa phương; tiếng cười xuất hiện ở mọi nơi; đâu đâu có sự sinh hoạt, có cuộc sống, có sự quy tụ con người là ở đấy có tiếng cười cất lên. Chúng ta cũng có thể gặp tiếng cười ở mọi hoàn cảnh: trong sự giao tiếp với nhiều người trong xã hội, trong các ngành nghề cao thấp, sang hèn, chốn nông thôn, nơi thành phố, nơi đô hội đông người cho đến chốn cách trở, heo hút. Người Việt còn dùng tiếng cười để chào nhau, thay các hình thức ứng xử như bắt tay, ôm nhau, ôm hôn của người phương Tây; một kiểu ứng xử đặc biệt trong giao tiếp của người Việt.

Các kiểu, cách cười, các cung bậc của tiếng cười Việt Nam đều được định danh trong từ vựng tiếng Việt. Về bảng từ vựng tiếng cười Việt, Nguyễn Tuấn là người đầu tiên thực hiện (Nguyễn Đăng Mạnh, 2002) và Vũ Ngọc Khánh (1996) thống kê khá đầy đủ với 250 kiểu cười. Với 250 từ ngữ chỉ tiếng cười đủ biết cái cười Việt luôn luôn được cất lên từ mọi cảnh ngộ, mọi hình thức sinh hoạt đời sống, sinh hoạt xã hội. Còn nữa, trong tiếng Việt còn có nhiều thành ngữ, tục ngữ nói về tiếng cười, thể hiện các sắc độ tiếng cười Việt. Đặc biệt, tiếng cười đã đi vào ca dao, có mặt trong văn chương bác học, làm thành truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại. Do đó, tìm hiểu truyện cười là tìm hiểu tiếng cười dân tộc, là phân tích, lý giải nhằm góp phần làm sáng tỏ tâm thức cười, một biểu hiện của văn hóa dân tộc.

So với truyện cười dân gian, không gian tiếng cười trong truyện cười hiện đại rộng lớn hơn, xuất hiện trong nhiều hoàn cảnh, nhiều đối tượng. Vậy nên, lần tìm những không gian cười mới thấy hết sự phong phú, đa dạng của tiếng cười Việt Nam thời nay. Không chỉ cái gì cũng cười mà quan trọng hơn là đâu đâu cũng cười, gồm: các địa hạt cười, các vùng cười, các làng cười, cười mọi nơi mọi chốn.

Trước hết, tiếng cười được cất lên từ không gian hẹp nhất, đó là không gian gia đình. Trả lời con trai, ông bố khẳng định, trong nhà, bố là người chỉ huy cao nhất thì từ dưới bếp, bà vợ chạy lên, trợn mắt quát “ông vừa nói cái gì thế?”. Ông bố im thin thít;

nhưng khi bà vợ nguôi giận, đi xuống bếp, ông bố bình tĩnh giải thích cho cậu con trai: “Bố mới chỉ nói nhỏ một câu mà mẹ con đã gầm lên như hổ ròi” (*Truyện cười hiện đại, Uy quyền*, tr. 293). Ông bố đối đáp bằng cách đánh lạc hướng, dùng cách nói ngược để đánh tráo tình thế, từ chối địa vị thực tế của mình. Tình thế của truyện làm cho tiếng cười cất lên hết sức tự nhiên, đưa đối tượng cười (ông bố) tự thân trở thành sự cười đùa, cười giễu.

Trong không gian gia đình, tiếng cười còn được cất lên từ phòng khách, bàn ăn, thậm chí, trong phòng ngủ vợ chồng. Người vợ đánh thức chồng giữa đêm kêu lạnh, lại kêu nóng, phàn nàn khó ngủ và giải thích việc khó ngủ “vì thiếu đàn ông” thì ông chồng hết sức lo lắng “kiếm đâu ra đàn ông giữa đêm khuya thế này” (*Truyện cười hiện đại, Chồng ơi là chồng*, tr. 270). Những yêu cầu (hành động) của người nói thứ nhất (Speaker 1, viết tắt là Sp1) như một gợi ý, một đòi hỏi kín đáo, “lịch sự” chuyện tình dục vợ chồng thì người nói thứ hai (Speaker 2, viết tắt là Sp2) quá thật thà, ngu ngơ. Tiếng cười được cất lên từ sự tương tác hội thoại giữa Sp1 và Sp2, nhưng chủ yếu từ Sp2; một sự thật thà, ngu ngơ đáng cười, đây là tiếng cười khúc khích, pha chút cười chê.

Rất nhiều tiếng cười được cất lên trong không gian nhà trường, từ phổ thông đến đại học, từ đối tượng học sinh, sinh viên cho đến các thầy cô, các giảng viên. Tiếng cười bật ra từ các lớp học, các phòng thi cho đến từng khu ký túc xá hay các nhà trọ sinh viên. Những tình huống bất thường xảy ra một cách “hồn nhiên” trong giờ học, những câu chuyện đối đáp giữa thầy cô và học sinh là mạch nguồn vô tận của tiếng cười, làm nên những cung bậc cười. Trong giờ học tiếng Việt, nhiều câu chuyện cười chảy nước mắt. Chẳng hạn, về chính tả “i ngắn”, “y dài”, cô giáo hỏi Nam, vì sao *tay* viết *y dài* còn *tai* viết *i ngắn* thì Nam hồn nhiên trả lời “vì *tay* dài hơn *tai* ạ” (*Truyện cười hiện đại, Khác biệt*, tr. 23). Trong các cách khai thác tiềm năng của tiếng Việt để tạo lập tiếng cười thì dạng thức chơi chữ nói lái là đặc hữu nhất. Chẳng hạn, tiếng cười trong *Giống nhau và khác nhau* thật là sáng khoái, cười bẻ bụng. Mặc dù cô giáo và người bố đều khẳng định *bổn* và *bản* giống nhau, nhưng cậu học trò vẫn cho là khác nhau; bởi vì “hôm trước, bố em sai em ra cửa hàng bà Hòa mua cái bản lẻ. Em nói với bà Hòa bán cho bố cái bổn lẻ thì bà ấy chửi em là đồ mất dạy, đồ con nhà không có giáo dục” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 289). Trong truyện này, nếu từ *bổn lẻ* trong lời đáp của cậu học trò mà nói lái thì không thể nhận được cười. Một tiếng cười sáng khoái *bật lò xo mà tung lên* (Nguyễn Đăng Mạnh, 2002).

Còn nữa, từ hỏi bài cũ cho đến các bài kiểm tra, bài thi và trong các phòng thi cũng bật lên những tiếng cười nghịch ngợm để chế giễu những hạn chế về kiến thức, những hiểu biết ngu ngơ của học sinh, sinh viên. Các truyện cười như *Đưa bệnh nhân đến, Hỏi bài, Quê hương, Nếu nó tan, Từ đồng nghĩa, Chắc chắn, Bao nhiêu cái, Trà trộn vào đám đông, Khó, Tội lừa dối, Lẫn, Nếu không ai chết, ...* đều chứa đựng những tiếng cười vui nhộn, hóm hỉnh, pha chút chế giễu nhẹ nhàng trong chuyện học hành, thi cử của học sinh, sinh viên. Chưa hết, tiếng cười còn cất lên từ các khu ký túc xá, các phòng trọ sinh viên trong các truyện *Đời sinh viên, Cứ đứng đấy, Mặc lộn quần, Rút hợp lý, ...* Không gian tiếng cười Việt có tính lan toả, rộng khắp, đáp ứng bản tính thích cười, nhu cầu giao tiếp bằng tiếng cười của người Việt. Từ các điểm không gian như quán ăn, nhà hàng, cửa hàng, siêu thị cho đến các không gian rộng hơn như trên đường phố, trong công viên, vườn bách thú, các điểm du lịch... đâu đâu cũng vang lên tiếng cười, ở đâu ta cũng dễ dàng bắt gặp những nụ cười sinh hoạt, chủ yếu thể hiện các sắc thái vui tươi, cười đùa pha chút châm chọc nhẹ nhàng, tinh tế. Chẳng hạn, trong

truyện *Size*, khi nữ khách hàng xin xem cái áo size 29 (tiếng Anh, phiên âm là *sai*) thì được nhân viên bán hàng chia sẻ rất chân thành: “Em ngốc quá! Áo mà nhiều chỗ sai như thế thì mặc không đẹp đâu!” (*Truyện cười hiện đại, Size*, tr. 51). Truyện cười trên khai thác hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt để gây cười. Cửa hàng kinh doanh mà nhân viên nhầm lẫn *size* có nghĩa là “cỡ” và *sai* trong đúng sai tiếng Việt thì những tràng cười vỡ bụng sẽ vang lên, hàm ý châm chọc sự ngu ngơ, què mùa của nhân viên bán hàng. Cuộc sống muôn màu là thế, và vì muôn màu cuộc sống nên tiếng cười Việt cũng lắm vẻ, nhiều kiểu. Với các không gian rộng hơn như trên đường phố, tiếng cười nô đùa, tinh nghịch theo chân những người đồng hành, đặc biệt là những người trẻ. Chẳng hạn, hai người trẻ Bình và Lan chạy trên đường phố; Bình chạy theo Lan và nói: “Lan nè, cho Bình nay tắm nhé!”. Sau mấy phút ngỡ ngàng, Lan thẹn đỏ mặt vì cái từ *nay tắm* trong lời trao của Bình và ngượng ngùng cho Bình nắm tay cùng đi!” (*Truyện cười hiện đại, Nay tắm*, tr. 276). Tính đặc trưng trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt là tiền đề của phép nói lái và hình thành dạng thức chơi chữ nói lái tạo nên nhiều bất ngờ, thú vị. Nét văn hoá này, các ngôn ngữ biến hình châu Âu không bao giờ có được. Các không gian khác như trong công viên, các điểm tham quan, du lịch, tiếng cười vui nhộn, cười hả hê cũng thường xuyên cất lên. Chẳng hạn, tại một điểm tham quan, một ông khách ngồi lên hiện vật là chiếc giường của nhà vua; khi được nhân viên nhắc nhở thì ông khách bình tĩnh nói: “Tôi biết chứ! Khi nào nhà vua tới, tôi sẽ trả lại ngay. Có sao đâu!” (*Truyện cười hiện đại, Khi ông ấy đến tôi trả*, tr. 97). Hành động và lời nói của ông khách thật “hồn nhiên”, đáng cười, cái cười đùa bỡn, hàm ý chế giễu sự lố bịch cả trong hành động và lời nói của vị khách tham quan.

“Gặp nhau là cười” là cách ứng xử trong văn hoá giao tiếp của người Việt. Tiếng cười có thể cất lên từ phòng khám sức khoẻ, bệnh viện cho đến phòng kê khai hồ sơ, đồn công an, nơi tuyển quân... Có khi, cười chỉ để mà cười, cười cho vui, cười xoà. Chẳng hạn, trong bệnh viện, khi cô hộ lý bé hai đứa trẻ sinh đôi trao cho người bố trẻ và nói lời chúc mừng thì bố trẻ liền nói: “Nếu cô không phản đối thì tôi chỉ lấy đứa ở giữa thôi!” (*Truyện cười hiện đại, Nếu được*, tr. 68). Khi ốm đau, bệnh tật, người Việt cũng cười, rồi khi gặp rủi ro, vi phạm pháp luật, phải đương đầu với nhà chức trách người Việt cũng cười, cười theo kiểu cười trừ, cười gượng. Chẳng hạn, cô gái bán dâm bị bắt vào đồn công an, trả lời với cán bộ là vì nghèo nên đành phải làm nghề này. Nhưng khi được hỏi nếu giàu, có làm nghề này nữa không thì cô gái trả lời: “Tôi sẽ cho không người ta chứ bán làm gì!” (*Truyện cười hiện đại, Bán làm gì*, tr. 289). Chưa biết được kết quả xử phạt như thế nào nhưng người đọc thấy buồn cười cho số phận của cô gái; cái cười ẩn dấu chút xót thương đối với hạng người làm cái nghề mua vui cho người khác.

Trên các phương tiện giao thông, hành khách cũng thoải mái cười đùa vui vẻ. Chẳng hạn, trên chuyến xe khách Hà Nội - Vinh, thiếu phụ có đứa con nhỏ ngồi bên cạnh chú bộ đội, đến giờ cho đứa nhỏ bú nhưng nó cứ đùa nghịch thì người mẹ trẻ nói: “Không bú thì mẹ cho chú bên cạnh bú đấy”. Mấy phút sau, chú bộ đội nói rất nghiêm trang: “Chị ơi, chị nói với cháu quyết định đi, xe đã qua nhà tôi mấy cây số rồi đấy!” (*Truyện cười hiện đại, Trông bở*, tr. 297). Hay, một vị linh mục chuẩn bị làm thủ tục lên máy bay thì một cô gái xinh đẹp đút viên kim cương vào túi nhờ qua cửa hải quan. Không kịp từ chối, khi qua cửa hải quan, nhân viên hỏi có vật gì cần khai báo thì linh mục vui vẻ nói: “Phía trên thắt lưng tôi chẳng có gì nhưng phía dưới có một vật quý mà phụ nữ ai cũng thích”. Nhân viên hải quan cho rằng cha rất vui tính và mời đi qua

(*Truyện cười hiện đại, Linh mục vui tính*, tr. 69). Điều thú vị là các tiếng cười trong hai truyện trên có màu sắc giống nhau, đều cười tủm tỉm, thậm chí phì cười và cùng sử dụng một phương cách gây cười, đó là cách nói phóng đại.

Văn hoá cười của người Việt còn lan toả đến các công sở, các cơ quan quản lý nhà nước như phòng kê khai hồ sơ, phòng tổ chức cán bộ, văn phòng công ty, phòng họp cơ quan cho đến phòng xử án, nhà giam... Chẳng hạn, cuộc họp hội đồng quản trị của công ty nọ đang cãi vã ồn ào thì một người đứng dậy nói lớn: “Bàn cãi mãi cũng vô ích vì một nửa thành viên của hội đồng là ngu dốt”. Chủ tịch hội đồng đề nghị người nói phủ định lại ý kiến của mình thì được ông ta trả lời: “Vậy thì, một nửa thành viên của hội đồng không ngu dốt” (*Truyện cười hiện đại, Phủ định lại*, tr. 297). Dùng cách diễn đạt đồng nghĩa, một mặt, người nói vẫn bảo lưu ý kiến của mình, mặt khác, trên hình thức, người nói đang thực thi yêu cầu của chủ tịch hội đồng là “phủ định lại” ý kiến của mình. Truyện này thật buồn cười, nhưng tiếng cười ở đây là cười buồn.

Khó mà miêu tả cho hết không gian tiếng cười Việt, bởi nó xuất hiện và lan toả khắp nơi, từ nông thôn đến thị thành, từ đồng bằng, miền biển cho đến miền sơn cước xa xôi, từ chỗ đông người cho đến những nơi thưa thớt dân cư đâu đâu cũng bắt gặp những nụ cười xã giao, những tiếng cười nhiều vẻ, đủ các cung bậc cảm xúc - tình cảm được thể hiện trong chuỗi các cuộc thoại giữa con người với con người gắn với từng khung cảnh Việt. Đó là tiếng cười hồn nhiên, vô tư của tầng lớp học sinh, sinh viên, tiếng cười tủm tỉm, cười tươi của những người lớn tuổi trong cuộc sống hôn nhân và gia đình; là tiếng cười hóm hỉnh, thâm trầm của tầng lớp trí thức; là tiếng cười cởi mở, thật thà và sảng khoái của những người nông dân; là tiếng cười khúc khích của cán bộ, công chức, tiếng cười giòn giã, cười hả hê của bộ đội; là tiếng cười đùa, cười nắc nẻ của các em nhỏ và những người già. Còn nữa, người Việt không những thời nào cũng có những nhân vật cười mà còn có những vùng cười, làng cười ở nhiều nơi như Hội Thống (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), Yên Huy (Can Lộc, Hà Tĩnh), Vĩnh Hoàng (Quảng Trị)... Tiếng cười ở đây là tiếng cười hoà hợp, cười để kết nối các làng xóm với nhau nhằm gia tăng tình đoàn kết cộng đồng. Do đó, đối với người Việt “một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ” (Tục ngữ), và “Chẳng tham nhà ngói rung rinh/ Tham vì một nỗi em xinh miệng cười” (Ca dao). Nhưng người Việt cũng nằm lòng: “Cười người xin chớ cười lâu/ Cười người hôm trước hôm sau người cười” (Ca dao). Tóm lại, không gian tiếng cười Việt, các kiểu/cách cười của người Việt và cách ứng xử đối với tiếng cười như phần nào đã miêu tả trên đây là riêng có ở người Việt, và là một biểu hiện sinh động về văn hoá Việt.

2.2. Tính trí tuệ, uyên bác

Xem xét tính trí tuệ, uyên bác trong truyện cười hiện đại, chúng tôi mong muốn làm sáng tỏ những nét riêng trong cách tri nhận thế giới xung quanh, về “bức tranh ngôn ngữ về thế giới”, một biểu hiện văn hoá Việt được khúc xạ trong truyện cười hiện đại. Biểu hiện dễ nhận thấy nhất, bức tranh được “vẽ” ra phản ánh những đặc điểm của thực tế đời sống văn hoá của người Việt, đó là truyện cười hiện đại khai thác khá triệt để phương thức chơi chữ để tạo nên tiếng cười, một “trò chơi” trí tuệ của người Việt trong việc khai thác những tiềm năng sẵn có, riêng có của ngôn ngữ dân tộc như nói lái, đồng âm, đảo, điệp, đồng nghĩa, đồng âm và đồng nghĩa, trái nghĩa, chữ viết. Có 7 dạng thức chơi chữ được sử dụng trong 1045 truyện cười hiện đại; đó là: đồng âm, mô phỏng, nghịch nghĩa - nói ngược, tách từ, nói lái, đảo từ - đảo cú, đồng nghĩa; gồm 119 trường

hợp, chiếm 11,39%. Đó là kết quả của một trí tuệ sắc sảo, một sự liên hệ nhanh giữa chủ đề cần diễn đạt (trong từng truyện cười) với một trong những đặc điểm của âm tiết tiếng Việt đã được định hướng, lựa chọn để thực hiện chơi chữ, một phương cách làm bật lên tiếng cười. Có thể nói, phần lớn các truyện cười hiện đại dùng chơi chữ làm phương thức gây cười đều có hiệu quả cao: vừa bật cười hóm hỉnh, vừa sâu sắc về trí tuệ, triết lý. Chẳng hạn, truyện *Xã hội - tự nhiên* kết hợp sử dụng hai dạng thức chơi chữ là đồng âm và mô phỏng. Từ *tự nhiên* trong lời mời của chủ nhà (Sp1) có nghĩa là “thoải mái, không cần khách sáo”, nhưng lại được thầy giáo trẻ (Sp2) “hiểu” là “giáo viên dạy các môn toán, lý, hoá, sinh”, nên mới “cãi” lại “nhưng chúng cháu là giáo viên xã hội”. Tình thế thật bất ngờ nhưng hợp lý và rất thú vị. Nếu truyện dừng lại ở dạng thức chơi chữ đồng âm thì tiếng cười khúc khích cũng đã bật lên rồi; nhưng lại xuất hiện thêm một bất ngờ nữa: chủ nhà (Sp1) tiếp thu “góp ý” của khách, “sửa” lại lời mời “Mời các thầy cô xã hội tự nhiên!” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 134), một lời nhại (mô phỏng) tức thời, đúng lúc, đúng chỗ và cũng rất tự nhiên, hóm hỉnh. Thế là tiếng cười cứ như “bật lò xo mà tung lên”, hết sức sáng khoái, thể hiện chất trí tuệ sắc sảo của người Việt.

Kiểu tư duy của người Việt không chỉ thể hiện trong chơi chữ mà còn được thể hiện đậm nét qua cách nói ngụ ý, hàm ý, ẩn ý để dấu kín suy nghĩ của mình. Khi gặp những điều khó nói, ngại nói, người Việt thường nói lấp lửng, hay nói bóng gió xa xôi, theo kiểu “ăn nói nửa chừng”, buộc người nghe phải dò dẫm ý tứ của người nói, phải suy ý bên ngoài câu chữ. Kiểu nói hàm ý, ẩn ý, ngụ ý ấy, các nhà Ngữ dụng học gọi là hàm ngôn, là “những hiểu biết có thể suy ra từ nghĩa tường minh và tiền giả định, đây là ý nghĩa đích thực mà người nói muốn hướng đến người nghe” (Đỗ Thị Kim Liên, 2005, tr. 252). Cũng theo các nhà Ngữ dụng học, nghĩa của phát ngôn hành chức trong văn bản gồm hai loại là nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn. Trong truyện cười hiện đại, bên cạnh những truyện có nghĩa tường minh thì đa phần là những truyện có nghĩa hàm ẩn, phải suy ý thì mới nhận ra. Cách xác lập nghĩa hàm ẩn trong truyện cười hiện đại phản ánh kiểu tư duy vòng vo, cách nói bóng gió xa xôi, thể hiện một nét đặc hữu của văn hoá Việt. Do đó, khi nghe hay đọc truyện cười hiện đại, phải suy ngẫm một chút thì mới thấy buồn cười, rồi mới bật ra tiếng cười. Chẳng hạn, truyện *Ai nói*, qua các cặp trao đáp giữa chị giúp việc (Sp1) và bà chủ (Sp2) ta thấy chị giúp việc là người có bản lĩnh, can đảm, dám đi tới tận cùng của sự thật. Nhờ sự dũng cảm, thẳng thắn và sắc sảo, từ địa vị con ở - chủ nhà, từ chỗ là người có lỗi, chị giúp việc giành thế chủ động, thế quan toà vạch rõ chân tướng sự việc, phơi bày nội tình nhà quan chức có những mối quan hệ lằng nhằng, quan hệ bất chính theo kiểu “ông ăn chả bà ăn nem”. Đòn tấn công của chị giúp việc đối với bà chủ thực hiện theo phương châm “tương kế tựu kế” và đã thành công. Người đáng cười trong truyện không phải chị giúp việc mà chính là bà chủ, mặc dù “Người ta còn nói, người ta ngủ với tôi thích hơn ngủ với bà” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 273). Thế bề trên của bà chủ, vẻ đạo mạo, đoan chính bề ngoài đều rơi đầu hết, trơ ra một người đàn bà phẩm cách không hơn một người giúp việc. Một tiếng cười buồn, cười cợt, cười mỉa được cất lên bên ngoài câu chữ của truyện.

Có nhiều cảnh huống, nhiều sự tình trong quan hệ vợ chồng được phản ánh trong truyện cười hiện đại; từ đó, nhiều cung bậc của tiếng cười được cất lên. Chẳng hạn, người vợ trong truyện *Còn tệ hơn* rơi vào tình cảnh “tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa” rất đáng thương. Chuyện chồng trẻ vợ già cũng dễ bị đàm tiếu trước đám đông. Dĩ nhiên, mọi người chỉ châm chọc cho vui chứ không ác ý, không xúc phạm đối tượng, nghĩa là không

“đùa quá trốn”. Trên chuyến xe buýt ấy, nếu mấy bà ngồi phía sau tỏ thái độ kinh ngạc và “băn khoăn” xác định lại quan hệ, từ vợ chồng thành “cứ như là chị của ông chồng không bằng” - câu đùa còn chấp nhận được thì câu đùa của bà khách đồng hành “Này cậu, tại sao cậu lại để cho người ta xúc phạm mẹ cậu như vậy hả” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 150-151) thì hơi quá quắt. Mặc dù, truyện dùng cách nói lộng ngữ để gây cười nhưng tiếng cười trong truyện này thật ngậm ngùi, chua xót. Người trao dùng cách nói khẳng định, lại còn dùng hành động trách móc làm cho vấn đề trở nên nghiêm trọng, buộc người đọc phải suy nghĩ về cái điều người nói muốn nói ngoài câu chữ. Chê người ta già mà theo kiểu gọi người ta là mẹ con như bà khách đồng hành trong truyện trên thì hơi quá đáng. Do đó, tiếng cười trong truyện cũng là cười gượng, cười buồn, có cái gì đó hơi bất nhẫn.

Xét nét, đố kị cũng là những thói xấu thường tình của con người. Khi một đứa trẻ có biểu hiện thông minh thì người lớn cần động viên, khuyến khích để trẻ phát huy thiên hướng bẩm sinh. Nhưng đôi khi, người lớn có thể vô tình, có thể ác ý đưa ra những nhận xét không đúng về trẻ con thì sẽ nhận được trái đắng, trở thành trò cười như bà hàng xóm trong truyện *Thông minh*. Người Việt có kiểu hành xử “ăn miếng trả miếng”, hay “vỏ quýt dày có móng tay nhọn”. Kiểu hành xử này có trong truyện cười trên. Bà hàng xóm xét nét, đố kị, không muốn thừa nhận một cậu bé thông minh, đưa ra một suy luận thiếu thiện chí “Nào đã chắc gì. Cái trò mà trẻ thông minh thì về sau sẽ ngu độn mà thôi” nhận lấy một sự đáp trả hết sức thông minh của đứa trẻ 7 tuổi: “Chắc lúc bé bác thông minh lắm phải không?” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 282). Dùng ngay suy luận của bà hàng xóm, cậu bé đưa ra một nhận xét thật đích đáng và rất hóm hỉnh: bà hàng xóm là một người ngu độn mà thôi. Từ nghĩa hàm ẩn của truyện, tiếng cười được cất lên nhưng là cười chê, cười giễu bà hàng xóm rơi vào tình thế “gây ông đập lưng ông”.

Mỗi truyện cười hiện đại đều đều có mục đích riêng. Tính hướng đích này làm cho truyện cười không những có giá trị khái quát, trở thành tiếng cười xã hội, vượt lên trên tiếng cười sinh học, mà còn thể hiện cách tư duy của người Việt: luôn đi sâu vào mọi ngõ ngách của đối tượng, phát hiện sự tình từ những điều nhỏ nhất để làm phong phú mạch nguồn của tiếng cười. Chẳng hạn, truyện *Tác dụng của biến hiệu*, nếu suy ý bên ngoài câu chữ ta sẽ nhận ra ý nghĩa của tiếng cười và sẽ tìm tìm cười, hay cười một mình. Nói tục là để hoá giải cái bực bội, tỏ thái độ bất bình với ai đó hay điều gì đó. Chuyện nói tục là phổ quát của loài người mà người Việt không là ngoại lệ. Trong các phương cách gây cười, người Việt văng tục trong nhiều truyện cười. Ở truyện trên, tham thoại đáp của thầy T không hàm ý muốn thoát ly sự bực bội mà thể hiện một thái độ dứt khoát, quyết liệt trong cách lý giải vì sao không đặt tên quán là *Vợ tôi*. Có nhiều trường hợp, chủ quán, nhà hàng lấy ngay những khuyết tật của mình đặt tên để gây sự chú ý, thoả mãn sự tò mò của khách hàng như *Thọ Gù*, *Chín Lé*, *Vân Mập*, *Hùng Lùn*, *Thanh Còi*, ... Cũng vậy, các tên quán như *Chị tôi*, *Em tôi*, *Bạn tôi* thì những *chị*, *em*, *bạn* lỏng lẻo về sở hữu đối với *tôi*, do đó, khách hàng, nhất là các chàng, mỗi lần vào quán, ngoài chuyện ăn uống hút xách còn “đò đưa”, tán tỉnh chủ quán, chủ yếu cho vui nhưng có khi vẫn giăng mắc chuyện tình cảm. Do đó, nếu tên quán là *Vợ tôi* thì sở hữu rõ ràng, tên quán như một biển cấm ai mà dám vào. Như vậy, truyện *Tác dụng của biến hiệu* ta có tiếng cười tức thì kiêu phi cười do sử dụng yếu tố tục trong tham thoại đáp của thầy T “Đặt tên quán là *Vợ tôi* thì chó nó đến à” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 298) và tiếng cười kiêu cười mỉm từ ý nghĩa “còn gì mà hy vọng nữa” được xác định bằng thao tác suy ý.

Tóm lại, những truyện cười dùng phương thức chơi chữ và ý nghĩa hàm ẩn để bật lên tiếng cười đều phản ánh kiểu tư duy của người Việt, đó là kiểu nói vòng nói tránh, nói bóng gió xa xôi nhưng lại làm nổi bật bản chất sự việc, sự tình, vấn đề. Hay nói cách khác, các kiểu cười trong truyện cười hiện đại khúc xạ một nét đặc trưng văn hoá Việt.

2.3. Tính châm biếm sâu sắc

Theo kiểu ứng xử “chê ta mà chê đúng là thầy của ta” trong cái mạch nguồn của văn hoá phương Đông, người Việt cũng có kiểu ứng xử “thương cho đòn, ghét cho chơi”, hay “thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”; nghĩa là, yêu ghét phân minh, dứt khoát. Đó cũng là triết lý sống “thương người như thể thương thân”; thương người thì phải làm cho người thấy được những hạn chế, sai lầm, những yếu kém mà khắc phục, tu thân, hướng thiện. Tinh thần nhân bản ấy được thể hiện từ trong truyện cười dân gian, và được nhân lên gấp bội trong truyện cười hiện đại. Trong truyện cười hiện đại, tiếng cười trong phần lớn các truyện được cất lên để từ chối cái xấu, cái thấp hèn, đề cao cái đẹp, cái cao cả, khuyến khích hành động vì những điều tốt đẹp trong hiện tại và vì tương lai tươi sáng. Do đó, tính châm biếm sâu sắc như là một biểu hiện văn hoá Việt trong truyện cười hiện đại; nghĩa là, truyện cười hiện đại dùng tiếng cười để chế nhạo, đả kích cái xấu là muốn con người hướng đến những điều tốt đẹp, sống có nhân cách.

Nếu tiếng cười châm biếm trong truyện cười dân gian chỉ hướng đến một số hạng người trong xã hội như thầy đồ, thầy cúng, thầy bói, thầy chùa dốt nát, tham ăn, sợ vợ, những hào lý trong làng xã, hàng tổng tham lam, hách dịch, những thầy đờ, quan lại hàng phủ huyện, hàng tỉnh dâm ô, hách dịch, đè nén dân lành, bọn phong kiến tay sai và thực dân bóc lột, hà hiếp thì trong truyện cười hiện đại, tiếng cười châm biếm là “vô thiên lũng” (Nguyễn Công Hoan) và đủ các cung bậc, sắc độ, bởi nó được cất lên từ các tầng lớp người, mọi ngành nghề, khắp các vùng miền, xứ sở. Đó là tiếng cười pha chút chế nhạo những khuyết tật của một số người như kẻ cao kêu, người lùn tịt (*Xỏ xiên*), đáng về béo phì, vòng hai quá cỡ (*Vòng*), người đã đen, xấu lại lùn (*Khen*), con gái mà có râu (*So sánh*), tật nói lắp (*Hiểu nhầm*)...

Tiếng cười châm biếm trong truyện cười hiện đại chủ yếu dành cho các ông chồng nghiện rượu, say rượu, các bà vợ “đổ” việc nhà lên đầu các ông chồng; đặc biệt là chuyện các bà vợ ngoại tình. So với truyện cười dân gian, truyện cười hiện đại có một số lượng truyện khá lớn nói về chuyện ngoại tình của các bà vợ như *Chuyện không bình thường*, *Phản bội bao nhiêu lần*, *Bản hộ*, *Tập kịch*, *Đổi gác*, *Tránh sát sinh nhiều*, *80 năm vẫn chạy tốt*, *Bị uống cà phê quá nhiều*, *Lý do ăn nem*, *Ngoại tình*, *Chung thủy*, *Vợ ngoại tình*, *Mày cũng chẳng có nữa là*, *Cách nào*, *Chẳng họ hàng gì*, *Không thể tin*, *Thôi, Ai nói*, ... Mỗi truyện mỗi vẻ, mỗi tình thế đáng cười; có truyện, tiếng cười chảy nước mắt. Chẳng hạn, truyện *Ngoại tình* có môtip giống với *Nghêu Sò Ốc Hến* nhưng cách giải quyết sự tình hoàn toàn khác, có tính hiện đại hơn. Mặc dù, truyện trên dùng thủ pháp phóng đại để gây cười nhưng từ diễn biến sự việc, đặc biệt, từ tham thoại của người vợ “Anh ơi, chui ra đi, cả hai thằng ngốc đều chết cả rồi” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 145-146), ta thấy người vợ thật đáng chê trách, đáng lên án về tội lẳng lơ, bất chấp đạo lý, dẫm lên các giá trị đạo đức của một người phụ nữ Việt Nam.

Trong truyện cười hiện đại, tiếng cười phê phán, châm biếm còn cất lên từ lỗi sống buông thả của một số gia đình mà cả vợ chồng đều chạy theo tình ngoài, kiểu “ông ăn chả, bà ăn nem”. Đó là các truyện *Giống ai*, *Đồng vợ đồng chồng*, *Có đi có lại*, *Ai nói*,

... Chẳng hạn, truyện *Đồng vợ đồng chồng* có kết cục là vợ chồng đưa nhau ra toà li hôn. Sự việc được kể lại, tình huống “giật mình la hoảng” trong giấc mơ của người vợ và hành động “chui xuống gầm giường trốn” (*Truyện cười hiện đại*, tr. 158-159) ngay tại nhà mình của người chồng như một vở bi hài kịch trớ trêu, trơ trẽn. Trước sự thật xấu xa tự phơi bày từ người vợ, người chồng, tiếng cười bật lên nhưng là cười nhạt, cười chê lối sống phóng đãng, buông thả của các nhân vật trong truyện.

Năng lực và phẩm chất của các bác sỹ, những “lương y như từ mẫu” trong các bệnh viện cũng là đề tài cho nhiều truyện cười khai thác. Theo đó, tiếng cười châm biếm cũng được bật lên; đây là những tiếng cười buồn; chẳng hạn truyện *Yên tâm*, kiêu trả lời của Sp2 có vẻ hài hước, nhưng đằng sau cách nói tếu táo ấy là một thái độ vô trách nhiệm đối với sinh mệnh của người bệnh (*Truyện cười hiện đại*, tr. 150-151). Hay truyện hai ông bác sỹ chữa nhầm bệnh cho hai bệnh nhân: một người chữa ung thư nhưng khi mổ mới biết bị một cái áp xe, còn một người chữa bệnh da vàng nhưng khi bệnh nhân chết mới biết là người châu Á (*Thần y*); lại có bác sỹ chữa lành bệnh cho một bệnh nhân nhưng khi biết người ấy rất giàu thì lại tiếc ngẩn ngơ vì mất đi cơ hội đào mỏ (*Sai lầm nghiêm trọng*).

Tiếng cười châm biếm còn dành cho các quan chức trong bộ máy công quyền nhà nước. Từ ông giám đốc N “xài” toàn bằng giả, lo sợ sắp có đoàn thanh tra nên bày trò đăng quảng cáo trên truyền hình bị mất giấy tờ, trong đó có các văn bằng chứng chỉ (*Điều kiện*), lại một ông giám đốc sợ người giỏi trong cơ quan khi có cơ hội sẽ thay mình nên tìm cách thuyết chuyển đi nơi khác (*Lo xa*) đến ông Bộ trưởng không nhận quà biếu của doanh nghiệp là một chiếc xe hơi vì “tôi rất liêm khiết”, nhưng khi doanh nghiệp đưa ra phương án bán 50 triệu đồng thì xin mua hai chiếc (*Liêm khiết*).

Có thể nói, khá nhiều truyện cười hiện đại dùng tiếng cười để chỉ trích, phê phán những thói hư tật xấu, những hành vi phản đạo đức của một bộ phận cán bộ, quan chức trong bộ máy công quyền và trong nội bộ nhân dân. Dĩ nhiên, mục đích của tiếng cười châm biếm là nhằm đẩy lùi cái xấu, cái thấp hèn, góp phần giáo dục nhân cách cho con người, hướng con người vươn tới những điều tốt đẹp, cao thượng và nhân bản. Đó là triết lý “thương cho đờn”, một biểu hiện của văn hoá Việt được thể hiện trong truyện cười hiện đại.

3. Kết luận

Cũng như truyện cười dân gian, truyện cười hiện đại cũng phản ánh các giá trị văn hoá tinh thần của người Việt. Trước hết, truyện cười hiện đại làm sâu sắc hơn tâm thức cười của người Việt, chứng tỏ Việt Nam là một xứ sở cười, rằng tiếng cười Việt Nam xuất hiện mọi nơi, mọi lúc, mọi cảnh huống. Tiếng cười trong truyện cười hiện đại còn thể hiện nếp nghĩ, kiêu tư duy của người Việt; đó là kiêu tư duy trực quan, cụ thể, giàu hình ảnh nhưng không hướng trực tiếp vào đối tượng mà thiên về kiêu nói lấp lửng, vòng vo, ngụ ý, ẩn ý, hàm ý, buộc người nghe phải suy ý, ngẫm hiểu rất uyển chuyển, tinh tế. Tính thẩm mỹ của truyện cười hiện đại thể hiện ở chỗ, con người dùng tiếng cười để phê phán, chế giễu những thói xấu, những hành vi phi đạo đức, vi phạm đến phẩm giá của con người. Tính châm biếm của truyện cười hiện đại cũng xuất phát từ mạch nguồn văn hoá của người Việt là “thương cho đờn”, một kiêu ứng xử giàu tính nhân bản của dân tộc ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Ngọc Khánh (1996). *Hành trình vào xứ sở cười*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đỗ Thị Kim Liên (2005). *Giáo trình ngữ dụng học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Ngọc (2000). *Thử xét văn hoá, văn học bằng ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Thanh niên.
- Trần Ngọc Thêm (2001). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Đăng Mạnh biên soạn (2002). *Nguyễn Tuân toàn tập*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Lê Văn Tùng (2019). *Đi tìm văn hoá của văn học*. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.
- Truyện cười hiện đại*, Bản vi tính 300 trang A4, do tác giả tuyển chọn từ các ấn phẩm đã xuất bản và tự sưu tầm, Nghệ An, 2019.

SUMMARY

SOME VIETNAMESE LINGUISTIC AND CULTURAL FEATURES IN VIETNAMESE MODERN JOKES

This article focuses on highlighting Vietnamese linguistic and cultural features manifested in Vietnamese modern jokes, which is identified through (1) deepening the laughter cognition of Vietnamese people in communications; (2) demonstrating the periphrastic, implicit thinking and speech of Vietnamese people to express sarcasm, forcing others to presume and think of the implications; (3) stating the superficial-like expression with deeply satirical but human implications.

Keywords: Features; cultural; jokes; Vietnamese; modern.